

Chính sách thuế thu nhập của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế: Thực trạng và giải pháp

NGUYỄN NGỌC MINH*

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam với nhiều quốc gia và khu vực đã đem lại nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế, nhưng đồng thời cũng tạo ra không ít thách thức. Những đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã tác động đến chính sách thuế thu nhập của Việt Nam buộc chính sách thuế thu nhập phải có sự điều chỉnh cho phù hợp. Bài viết khái quát tình hình thu thuế thu nhập ở Việt Nam để làm rõ những hạn chế của chính sách thuế thu nhập và yêu cầu đặt ra, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách thuế thu nhập của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

TÌNH HÌNH THU THUẾ THU NHẬP TẠI VIỆT NAM

Chính sách thuế thu nhập đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau của nền kinh tế và sau mỗi giai đoạn đó đều có sự điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung về các nội dung, như: đối tượng nộp thuế; thu nhập chịu thuế; thuế suất (biểu thuế) và mức miễn giảm thuế để phù hợp hơn với yêu cầu đặt ra của quá trình hội nhập. Trong thời gian qua sự đóng góp vào ngân sách nhà nước (NSNN) của thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và thuế thu nhập cá nhân (TNCN) ở mức tương đối bảo đảm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

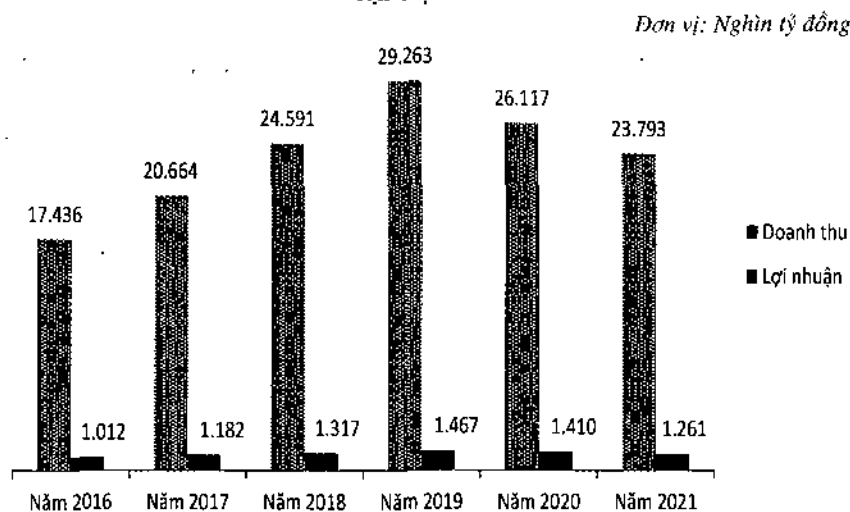
Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng doanh thu của các doanh nghiệp trong cả nước năm 2021 tăng gấp gần 1,4 lần tổng doanh thu năm 2016; tổng lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp năm 2021 tăng hơn 1,2 lần so với lợi nhuận của các doanh nghiệp năm 2016. Cụ thể: năm 2016 tổng doanh thu của các doanh nghiệp đạt 17.436 nghìn tỷ đồng, đến năm 2020 đạt tới 26.117 nghìn tỷ đồng, năm 2021 ước đạt 23.793 nghìn tỷ đồng, bằng 49,8% so với doanh thu năm 2016. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2016 mới đạt trên 1.012 nghìn tỷ đồng, thì đến năm 2020 đã đạt 1.410 nghìn tỷ đồng, năm 2021 tổng lợi nhuận trước thuế TNDN ước đạt 1.261 nghìn tỷ đồng, bằng 24,6% so với năm

2016. Trong 2 năm 2020 và 2021, do tác động của đại dịch Covid-19, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp giảm sút, lợi nhuận và doanh thu đều giảm so với năm 2019. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng của tổng lợi nhuận trước thuế lại cao hơn nhiều lần so với tốc độ tăng trưởng của doanh thu, điều này chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam ngày càng cao (Biểu đồ 1).

Sự gia tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp là điều kiện để tăng nguồn thu cho NSNN. Theo đó, số thu thuế TNDN tăng qua các năm, giai đoạn 2016-2021 đều chứng kiến sự tăng trưởng của thuế TNDN.

Trong tổng thu ngân sách, thuế TNDN luôn ổn định từ 15% đến 19% trong tổng số thu nội địa của ngành thuế (không tính số thu từ dầu thô và tiền sử

BIỂU ĐỒ 1: KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

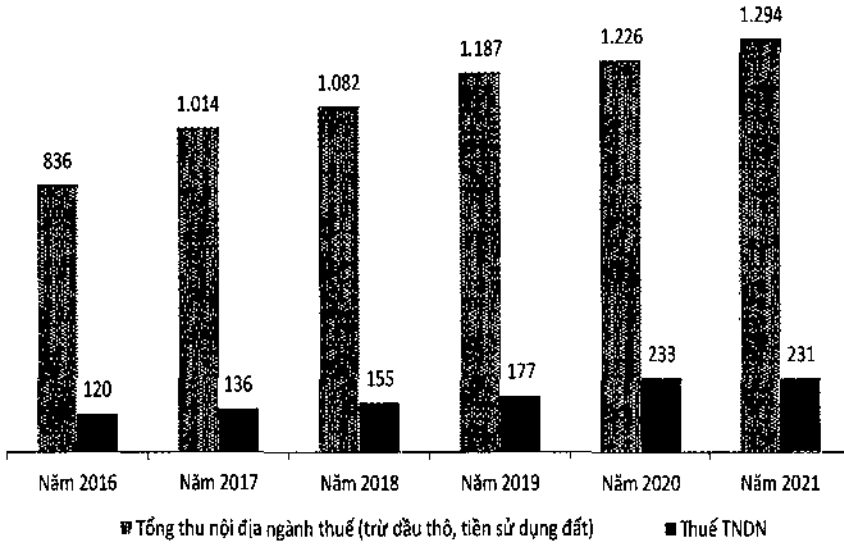


Nguồn: Niên giám Thống kê; Tổng cục Thuế và tính toán của tác giả

* NCS., Giám đốc Công ty Cổ phần Đào tạo và Công nghệ Visio

BIỂU ĐỒ 2: THUẾ TNDN TRONG TỔNG THU NSNN

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Nguồn: Tổng cục Thuế

dụng đất). Năm 2016, tổng số thu nội địa của ngành thuế đạt 836 nghìn tỷ đồng (không tính số thu từ dầu thô và tiền sử dụng đất), đến năm 2021, tổng số thu nội địa của ngành thuế đạt trên 1.294 nghìn tỷ đồng, bằng 154,8% so với năm 2016. Số thu về thuế TNDN cũng có mức tăng trưởng tương đương với sự gia tăng của tổng thu NSNN. Nếu năm 2016 số thu về thuế TNDN chỉ đạt 120 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,4% trong tổng thu ngân sách, thì đến năm 2021, số thu về thuế TNDN đạt 231 nghìn tỷ đồng, chiếm trên 17,9% trong tổng thu ngân sách.

Số thu về thuế TNDN luôn chiếm tỷ trọng ổn định nhất trong các sắc thuế, đồng thời luôn gắn với sự tăng trưởng và phát triển của các doanh nghiệp, do vậy, thuế TNDN luôn giữ vai trò quan trọng nhất trong tổng thu ngân sách của ngành thuế.

Tuy nhiên, hiện tượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước tận dụng những sơ hở và những ưu đãi trong pháp luật thuế TNDN của Việt Nam để tìm cách giảm nghĩa vụ thuế, đang có xu hướng gia tăng. Khe hở mà các doanh nghiệp thường lợi dụng đó là lựa chọn cấu trúc vốn có tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu cao để tăng chi phí và nhờ đó giảm thu nhập chịu thuế, đồng thời tận dụng vốn của người khác mà không phải tái đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Hiện nay, việc tỷ lệ phân vốn vay cao hơn rất nhiều so với vốn chủ sở hữu chưa bị hạn chế bởi pháp luật, do vậy vốn “mỏng” vẫn là hành vi tránh thuế hợp pháp ở Việt Nam. Cùng với đó, các doanh nghiệp với phương thức cố ý “đẩy” chi phí đầu vào lên cao và lợi dụng tối đa các ưu đãi của Chính phủ đối với các doanh nghiệp mới thành lập, như: ưu đãi về thời gian được phép lỗ, các chi phí liên quan đến quảng cáo, marketing... để chuộc lợi TNDN. Thực tế, nhiều giám đốc doanh nghiệp chỉ đạo nhân viên mỗi lần mua sắm hàng, đi ăn uống, nghỉ ngơi... đều mang hóa đơn VAT

về nộp cho doanh nghiệp. Chiêu thức này chính là cách làm tăng chi phí cho doanh nghiệp, để giảm thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, các doanh nghiệp thành lập mô hình tập đoàn (có từ hai công ty quan hệ liên kết với nhau) nhằm mục đích tránh thuế.

Riêng đối với doanh nghiệp FDI, theo báo cáo của Bộ Tài chính, trong năm 2020, có 10.125 doanh nghiệp FDI có kết quả sản xuất, kinh doanh cả năm báo lãi, chiếm tỷ lệ 40,2% doanh nghiệp có báo cáo. Nhưng có một vấn đề, dù thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp FDI vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, nhưng số doanh nghiệp FDI khai báo lỗ cao hơn mức bình quân trong cả nước. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tổng lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp FDI tính đến hết năm 2020 ghi nhận lên tới 623.337 tỷ đồng, bằng 44% vốn đầu tư của chủ sở hữu. Con số này của năm 2020 tăng 12% số lượng doanh nghiệp FDI có lỗ lũy kế và tăng 20,1% về tổng số lỗ lũy kế so với năm 2019. Số thu nội địa (không kể dầu thô) của khu vực doanh nghiệp FDI năm 2020 là 206.088 tỷ đồng, giảm 6.111 tỷ đồng so với năm 2019. Đây là năm đầu tiên trong giai đoạn 2016-2020 ghi nhận số thu nộp NSNN của khối doanh nghiệp FDI giảm so với những năm trước đó.

Do được ưu đãi lớn về thuế TNDN, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác (chưa tính việc chuyển giá, né thuế), nên tỷ trọng đóng góp vào ngân sách của các doanh nghiệp FDI còn thấp hơn tỷ lệ đóng góp vào GDP. Điển hình là số liệu đóng thuế năm 2020 của một số DN FDI lớn, như: tiền thuế của Samsung Electronics Việt Nam (doanh nghiệp FDI lớn nhất) còn thấp hơn cả công ty Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm (Vin Group Gia Lâm), cao hơn ngân hàng Techcombank; tiền thuế của Honda Việt Nam, HEINEKEN Việt Nam còn thấp hơn cả ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Trong top 30 công ty đóng thuế lớn nhất, thì có 23 doanh nghiệp Việt Nam (76,67%) và 7 doanh nghiệp FDI (23,33%). top 3 công ty đóng thuế lớn nhất 100% là doanh nghiệp Việt Nam.

Thuế thu nhập cá nhân

Theo báo cáo của Tổng cục Thuế, năm 2021, số thu từ thuế TNCN năm 2021 vào khoảng 123.000 tỷ đồng, đạt

114% dự toán, tăng 6,62% so với cùng kỳ. Trong đó, số thu từ hộ, cá nhân kinh doanh đạt 16.476 tỷ đồng, bằng 87,9% so với năm 2020, đạt 85% dự toán. Từ số liệu thống kê các khoản thu NSNN cho thấy, số thu từ thuế TNCN đã không ngừng gia tăng trong các năm qua. Nếu như trước kia, cơ cấu thu ngân sách thuế TNCN chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn, thì nay sắc thuế này đã tăng lên tới mức thuộc nhóm có đóng góp nhiều nhất. Trong hơn 1 thập kỷ qua, nguồn thu này đã liên tục có mức tăng trưởng ấn tượng qua từng năm. Từ mức chỉ gần 5.180 tỷ năm 2006 đã tăng hơn 18 lần lên trên 94.366 tỷ năm 2018 và đến năm 2021 đạt 123.000 tỷ đồng. Về cơ cấu, tỷ trọng đóng góp trong tổng thu ngân sách của thuế TNCN cũng đã tăng gần 3,6 lần trong hơn 1 thập kỷ qua. Từ 1,85% vào năm 2006 lên 6,62% năm 2021. Trong cơ cấu đóng thuế TNCN, tỷ lệ từ tiền công, tiền lương vẫn chiếm rất lớn, hơn 70%.

Nhìn chung, luật thuế TNCN đã tạo được cho mọi công dân và người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam hiểu biết, làm quen với việc kê khai thu nhập, có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm và nghĩa vụ đăng ký thuế thu nhập - một loại thuế được áp dụng phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, số thu về thuế TNCN của những người không cư trú (người nước ngoài) chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng số thu thuế TNCN, hàng năm trung bình chỉ chiếm khoảng 6,5% trên tổng số thuế TNCN đã thu - khả năng thất thu thuế TNCN ở đối tượng này rất cao.

MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP

Một là, chính sách thuế TNDN hiện nay chưa bao quát hết các đối tượng, lĩnh vực kinh doanh trong điều kiện mới; các quy định về xác định doanh thu, chi phí được trừ còn thiếu rõ ràng, khó xác định; ưu đãi thuế còn dàn trải, không hiệu quả.

Hai là, chính sách thuế TNDN hiện tại vẫn còn tồn tại những hạn chế trong việc quy định thời điểm xác định doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ, hoạt động xây dựng, lắp đặt. Sự chưa thống nhất, đồng bộ với các quy định về sử dụng hóa đơn, chứng từ, phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh đã tạo ra kẽ hở để

các doanh nghiệp dễ dàng lợi dụng nhằm gian lận, trốn thuế.

Ba là, các quy định để xác định chi phí được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, vẫn mang tính chung chung, gây ra sự khó hiểu hoặc vận dụng tùy tiện của doanh nghiệp.

Bốn là, ưu đãi thuế TNDN chủ yếu đưa lại lợi ích cho doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp Việt Nam ít được hưởng lợi ưu đãi thuế.

Năm là, quy định về khống chế chi phí lãi vay tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (thay thế Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, ngày 24/02/2017) đang gặp những khó khăn trong quá trình triển khai, mà nguyên nhân chính là do doanh nghiệp Việt Nam có vốn mỏng, chủ yếu là vốn vay, vốn chủ sở hữu thấp.

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tác động đến chính sách thuế thu nhập của Việt Nam trên nhiều khía cạnh, bao gồm: (i) Điều chỉnh thuế TNDN và thuế TNCN; (ii) Tác động đến hợp tác thuế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới; (iii) Tác động đến cạnh tranh về thuế TN; (iv) Tác động đến quản trị thuế thu nhập. Những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đã đặt ra yêu cầu cho chính sách thuế thu nhập phải có sự thống nhất, hài hòa giữa luật pháp quốc gia với thông lệ, quy định chung của quốc tế và những yêu cầu của quá trình hội nhập.

Với việc tự do hóa thương mại, các quan hệ kinh tế không chỉ đơn giản diễn ra trong biên giới một nước, mà nó là những quan hệ phức tạp, chịu sự điều chỉnh của thông lệ quốc tế. Vì vậy, việc xây dựng chính sách thuế phải có sự kết hợp giữa các yếu tố nội địa và quốc tế, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất - nhập khẩu được dễ dàng, thông thoáng. Ngoài ra, chính sách thuế còn phải thay đổi cho phù hợp với tiến trình hội nhập. Sự thay đổi này cần có lộ trình rõ ràng, có những đánh giá dự báo các tác động tới nền kinh tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những yêu cầu cao trong tổ chức thực hiện luật thuế thu nhập. Bởi, hội nhập kinh tế quốc tế làm cho việc xác định cơ sở tính thuế rất khó khăn, do sự dịch chuyển dòng vốn làm các khoản thu nhập và doanh thu tính thuế trở nên đa dạng, phức tạp hơn. Sự thay đổi thuế suất, mức thuế suất riêng của từng quốc gia bị xóa bỏ thay vào mức thuế suất phù hợp trong hiệp định. Điều đó đòi hỏi chính sách thuế thu nhập vừa phải phát huy vai trò thu đúng và đủ số thuế vào NSNN, nhưng cũng cần có sự điều chỉnh linh hoạt với các cam kết quốc tế để tạo thuận lợi cho sản xuất và thu hút đầu tư nước ngoài. Như vậy, để làm được điều đó, cần có sự trao đổi và hợp tác với các quốc gia khác, tiến tới ký kết các hiệp định nhằm tránh đánh thuế trùng...

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Hoàn thiện chính sách thuế thu nhập phải là sự đồng bộ các giải pháp từ chính sách thuế TNDN đến thuế TNCN, cụ thể:

Đối với chính sách thuế TNDN

- Bổ sung các đối tượng nộp thuế mới. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam, sự hiện diện ngày càng nhiều của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng như các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các khoản thu nhập, các tài sản của họ tại Việt Nam cũng ngày càng gia tăng, chính sách thuế TNDN cần xem xét điều tiết đầy đủ hơn đối với các đối tượng, hoạt động này.

- Bổ sung quy định về các căn cứ tính thuế TNDN. Nhà nước cần ban hành các quy định đầy đủ, chi tiết rõ ràng hơn về các căn cứ tính thuế TNDN, như: doanh thu, chi phí được trừ, chi phí không được trừ, thu nhập khác...

- Điều chỉnh thuế suất thuế TNDN. Tiến hành rà soát lại các chế độ ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo hướng trọng tâm, trọng điểm và đảm bảo nguyên tắc tập trung các biện pháp ưu đãi khuyến khích cho các mục đích kinh tế và được áp dụng trong một thời gian nhất định và không phân biệt giữa 2 loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI).

- Bổ sung thêm quy định về chuyển giá và kiểm soát chuyển giá trong Luật Thuế TNDN để đảm bảo phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, khi mà các hiện tượng chuyển giá của các công ty đa quốc gia đã trở thành một vấn đề thuế then chốt ở các nước.

- Tăng cường ký kết các hiệp định tránh đánh thuế. Những hiệp định này thực sự là công cụ bảo vệ lợi ích chính đáng của nhà đầu tư nước ngoài và cũng là biện pháp để hạn chế các công ty đa quốc gia trốn, tránh thuế.

Đối với chính sách thuế TNCN

- Mở rộng diện chịu thuế và xác định rõ thu nhập tính thuế. Hiện nay, thuế TNCN ở Việt Nam quy định thu nhập chịu thuế bao gồm 10 khoản và cơ bản đã bao

quát được hầu hết các khoản thu nhập chính của người dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản thu nhập hiện chưa đưa vào diện chịu thuế, như: thu nhập từ lãi tiền gửi, thu nhập từ kiều hối, trong khi các khoản thu nhập này, nếu như của một doanh nghiệp đều phải tính thuế TNDN.

- Xây dựng mức giảm trừ gia cảnh hợp lý hơn có tính đến những thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ khác nhau. Để quy định được các mức khấu trừ phù hợp cho từng đối tượng cụ thể trong từng thời kỳ, trước hết cần xác định mức sống trung bình cho một người trong điều kiện bình thường, tiếp đó dự đoán các biến đổi mức sống của người dân thông qua các chỉ số kinh tế vĩ mô, như: chỉ số lạm phát, chỉ số trượt giá hàng tiêu dùng...

- Hoàn thiện về biểu thuế đối với các khoản thu nhập chịu thuế TNCN và hoàn thiện phương pháp tính thuế và thu thuế đối với từng khoản thu nhập theo hướng đơn giản, phù hợp với thông lệ quốc tế, để nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và thuận lợi cho công tác thu thuế.

- Hoàn thiện chính sách thuế TNCN của người nước ngoài. Tăng cường ký kết hiệp định tránh tính thuế trùng giữa các quốc gia, mở rộng hợp tác quốc tế với các cơ quan thuế nước ngoài. Tổng cục Thuế cũng cần phải xem xét việc ký kết các hiệp định thuế với các quốc gia có quan hệ hợp tác để tạo điều kiện tốt hơn cho các hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư từ những quốc gia này. Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần mà Việt Nam ký với các nước có tác dụng tránh đánh trùng thuế TNCN của người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam, đồng thời ngăn ngừa trốn lậu thuế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2008). *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*, số 14/2008/QH12, ngày 03/6/2008
2. Quốc hội (2007). *Luật Thuế thu nhập cá nhân*, số 04/2007/QH12, ngày 21/11/2007
3. Quốc hội (2012). *Luật bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*, số 26/2012/QH13, ngày 22/11/2012
4. Chính phủ (2020). *Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết*
5. Bộ Tài chính (2020-2021). *Báo cáo về kết quả tổng hợp, phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trình Thủ tướng Chính phủ các năm 2019, 2020*
6. Tổng cục Thuế (2016-2021). *Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra thuế hàng năm từ năm 2016 đến năm 2021*
7. Tổng cục Thống kê (2016-2021). *Niên giám Thống kê từ các năm, từ năm 2016 đến năm 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội